

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá giao quyền sử dụng đất tại các khu quy hoạch dân cư trên địa bàn huyện Đức Trọng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất các huyện, thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc- tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 363/TTr-STNMT ngày 09 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá giao quyền sử dụng đất tại các khu quy hoạch dân cư trên địa bàn huyện Đức Trọng; cụ thể như sau:

1. Các lô đất thuộc khu công ty thương mại và chợ rau: 14 lô;
2. Các lô đất thuộc khu quy hoạch dân cư lô 90: 9 lô;
3. Các lô đất thuộc khu quy hoạch dân cư Trung tâm thương mại chợ Tân Hội: 69 lô;
4. Các lô đất thuộc khu tái định cư Hiệp An: 3 lô.

(Chi tiết giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá các lô đất nêu trên theo biểu đính kèm).

Điều 2: UBND huyện Đức Trọng có trách nhiệm:

1. Căn cứ diện tích từng lô đất, đơn giá phê duyệt tại điều 1 Quyết định này xác định cụ thể giá trị lô đất thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất đăng ký và tham gia đấu giá; đồng thời tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành;

2. Quản lý và sử dụng số tiền thu được từ việc đấu giá giao quyền sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành của nhà nước;

3. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đầu tư xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên lô đất trúng đấu giá, đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch và đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Xây dựng; Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục thuế; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./-

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu VT, TC, ĐC.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



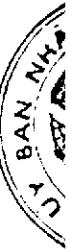
Nguyễn Văn Yên

**CHI TIẾT ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẦU GIÁ GIAO QUYỀN SỬ DỤNG
ĐẤT TẠI MỘT SỐ KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015
của UBND tỉnh Lâm Đồng)



Số TT	Ký hiệu	Đơn giá khởi điểm (đ/m ²)
1. Khu Công ty Thương Mại và Chợ Rau:		
1	36	5.112.000
2	87	5.112.000
3	88	5.112.000
4	89	5.112.000
5	90	5.112.000
6	92	5.112.000
7	93	5.112.000
8	94	5.112.000
9	95	5.112.000
10	96	5.112.000
11	97	5.112.000
12	98	5.112.000
13	99	5.112.000
14	100	5.112.000
2. Khu Quy hoạch lô 90 :		
Khu L		
1	C11	2.562.000
2	A49	3.604.000
3	A50	3.403.000
Khu H2		
4	A13	3.403.000
Khu E		
5	C43	3.604.000
Khu K		
6	B1	3.604.000
7	B39	3.604.000



Số TT	Ký hiệu	Đơn giá khởi điểm (đ/m ²)
	<i>Khu N</i>	
8	A192	1.531.000
9	A178	2.082.400
3. Khu Quy hoạch Trung tâm TM chợ Tân Hội		
Khu: B		
1	C 42	1.966.000
2	C 43	1.872.000
3	C 44	1.872.000
4	C 45	1.872.000
5	C 46	1.872.000
6	C 47	1.966.000
Khu C		
7	C 60	1.966.000
8	C 61	1.872.000
9	C 62	1.872.000
10	C 63	1.872.000
11	C 64	1.872.000
12	C 65	1.872.000
13	C 66	1.872.000
14	C 67	1.872.000
15	C 68	1.872.000
16	C 69	1.872.000
17	C 70	1.872.000
18	C 71	1.872.000
19	C 72	1.872.000
20	C 73	1.872.000
21	C 74	1.872.000
22	C 75	1.872.000
23	C 76	1.872.000
24	C 77	1.872.000
25	C 78	1.966.000
26	C 84	1.408.000

Số TT	Ký hiệu	Đơn giá khởi điểm (đ/m ²)
27	C 85	1.408.000
28	C 86	1.408.000
29	C 87	1.408.000
30	C 88	1.408.000
31	C 89	1.408.000
32	C 90	1.408.000
33	C 91	1.408.000
34	C 92	1.408.000
35	C 93	1.408.000
36	C 94	1.408.000
37	C 95	1.408.000
38	C 96	1.408.000
39	C 97	1.408.000
Khu D		
40	C 111	1.408.000
41	C 112	1.408.000
42	C 113	1.408.000
43	C 114	1.408.000
44	C 115	1.408.000
45	C 116	1.408.000
46	C 117	1.478.000
47	C 118	1.549.000
48	C 119	1.549.000
49	C 120	1.478.000
50	C 121	1.408.000
51	C 122	1.408.000
52	C 123	1.408.000
53	C 124	1.408.000
54	C 125	1.408.000
55	C 126	1.408.000
56	C127	1.408.000
57	C128	1.408.000

Số TT	Ký hiệu	Đơn giá khởi điểm (đ/m ²)
58	C129	1.478.000
59	C 130	1.549.000
60	C 131	2.059.200
61	C 132	1.966.000
62	C 133	1.872.000
63	C 138	1.966.000
64	C 139	2.059.000
Khu G		
65	C182	1.408.000
66	C183	1.408.000
67	C184	1.408.000
68	C187	1.966.000
69	C188	1.872.000
4. Khu Quy hoạch tái định cư Hiệp An:		
1	44	3.070.000
2	45	3.070.000
3	54	3.070.000

LƯU LÂM ĐÀ
 ĐƠN VỊ
 CHỨC DANH